

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2023/DS-PT
Ngày: 30-3-2023
V/v: tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết

Các Thẩm phán: Bà Vũ Thị Mai Hương

Bà Vũ Thị Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thu Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Trần Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 104/2022/TLPT-DS ngày 16 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp Hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2022/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Ngh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 26/2023/QĐ-PT ngày 27 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Đinh Mạnh Đ; sinh năm 1957; địa chỉ: Xóm 1, xã Ngh1, huyện Ngh, tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn:* Ông Đinh Quang Th; sinh năm 1972 và bà Trần Thị Ngọc B, sinh năm 1973; cùng địa chỉ: Xóm 5, xã Ngh1, huyện Ngh, Nam Định.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Bà Lê Thị H(vợ ông Đ), sinh năm 1967; địa chỉ: Xóm 1, xã Ngh1, huyện Ngh, tỉnh Nam Định.

- *Người kháng cáo:* Ông Đinh Quang Th và bà Trần Thị Ngọc B là bị đơn trong vụ án.

Tại phiên tòa: Có mặt ông Đ, bà H, ông Th và bà B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn ông Đinh Mạnh Đ trình bày: Do có quan hệ họ hàng nên vợ chồng ông có cho vợ chồng ông Th bà B vay tiền và vàng cụ thể như sau: Ngày 20-11-2013 vợ chồng ông cho vợ chồng ông Th bà B vay số vàng là 14 chỉ vàng 9999 hai bên có viết giấy biên nhận nợ; ngày 25-9-2018 ông Th bà B vay số tiền là 20.000.000 đồng (Có viết giấy biên nhận nợ) và ngày 20-12-2018 ông Th bà B vay tiếp số tiền là 130.000.000 đồng hai bên cũng có viết giấy biên nhận nợ; tổng số tiền vợ chồng ông Th bà B vay của vợ chồng ông là 150.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất là 1.2%/1 tháng và 14 chỉ vàng 9999, hai bên thỏa thuận lãi suất là 50.000 đồng/1 chỉ/1 tháng. Quá trình vay, vợ chồng ông Th bà B chưa trả tiền và vàng gốc. Về lãi: Đã trả lãi đến hết tháng 9-2019, kể từ tháng 10-2019 tới nay ông Th, bà B không trả lãi nữa. Vợ chồng ông đã đến đòi nhiều lần nhưng vợ chồng ông Th, bà B vẫn không trả nợ gốc và lãi cho ông. Nay ông yêu cầu vợ chồng ông Đinh Quang Th và bà Trần Thị Ngọc B phải trả cho vợ chồng ông số tiền, vàng gốc đã vay và tiền lãi từ tháng 10-2019 đến tháng 09-2022 tổng cộng là 213.000.000 đồng (trong đó tiền nợ gốc là 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng), tiền lãi là 63.000.000đ (Sáu mươi ba triệu đồng) và 14 chỉ vàng 9999, ông không yêu cầu tính lãi của 14 chỉ vàng.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bị đơn là vợ chồng ông Đinh Quang Th và bà Trần Thị Ngọc B trình bày: Vợ chồng bà có vay nợ ông Đ, bà H nhưng số nợ như ông Đ trình bày là không đúng. Bị đơn xác định đã từng nợ ông Đ và bà H số tiền 150.000.000 đồng và 14 chỉ vàng nhưng đã trả 120.000.000 đồng còn thiếu 30.000.000 đồng và 14 chỉ vàng 9999, sau đó ông Đ có nói là miễn cho vợ chồng ông bà số nợ 30.000.000đồng nên chỉ còn nợ 14 chỉ vàng 9999. Tại phiên toà sơ thẩm bị đơn trình bày tháng 7-2021 giữa bị đơn và ông Đ thống nhất cả tiền và vàng tổng cộng bị đơn nợ nguyên đơn là 180.000.000đ, bị đơn đã trả cho ông Đ 150.000.000đ còn nợ lại 30.000.000đồng (việc trả tiền hai bên không có giấy tờ gì). Nay vợ chồng ông Th, bà B xác định chỉ còn nợ ông Đ, bà H tổng cộng là 30.000.000đồng. Khi trả nợ giữa vợ chồng bị đơn và nguyên đơn không làm giấy tờ trả nợ với nhau nên trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà bị đơn không có tài liệu chứng cứ gì để cung cấp cho Tòa án.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị H trình bày thống nhất ý kiến với nguyên đơn.

Các đương sự nhất trí với giá vàng niêm yết trên thị trường ngày xét xử sơ thẩm 23-9-2022 là 5.035.000đồng/1 chỉ.

Từ nội dung trên, bản án dân sự sơ thẩm số 11/2022/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Ngh đã quyết định:

Căn cứ các Điều 463, 466, 357, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 (BLDS); các Điều 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 6, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội,

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Mạnh Đ. Buộc ông Đinh Quang Th và bà Trần Thị Ngọc B phải trả cho ông Đinh Mạnh Đ và bà Lê Thị Hsố tiền là 213.000.000đồng (trong đó tiền nợ gốc là 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng), tiền lãi là 63.000.000đ (Sáu mươi ba triệu đồng) và 14 (mười bốn) chỉ vàng 9999.

Ngày 05 tháng 10 năm 2022 ông Đinh Quang Th và bà Trần Thị Ngọc B là bị đơn trong vụ án có đơn kháng cáo với nội dung: Không nhất trí với bản án sơ thẩm đã buộc ông bà phải trả gốc và lãi cho ông Đinh Mạnh Đ, đề nghị làm rõ những nội dung ông Đ đã trình bày là đúng hay sai.

Tại phiên toà phúc thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: Việc ông bà vay số tiền 150.000.000đồng và 14 chỉ vàng của vợ chồng ông Đ là đúng, nhưng khi ông bà bị vỡ nợ hai bên đã thống nhất tổng cộng ông bà chỉ phải trả 180.000.000đồng (cả tiền và vàng), năm 2021 ông bà đã vay mượn trả cho ông Đ 150.000.000đồng tại nhà ông bà, có sự chứng kiến của người cho ông bà vay tiền, do thiếu lại 30.000.000đồng, nên chưa lấy lại giấy biên nhận vay nợ và ông bà sơ suất là không viết giấy trả 150.000.000đồng, vì ông bà nghĩ 03 ngày sau trả nốt 30.000.000đồng sẽ lấy lại các giấy biên nhận, tuy nhiên sau đó ông Đ đã thay đổi và khởi kiện. Nay ông bà xác định nợ ông Đ cả vàng và tiền là 220.000.000đồng, đã trả 150.000.000đồng, còn phải trả tiếp 70.000.000đồng, hiện ông bà đã vỡ nợ không còn khả năng thanh toán, nhưng nếu ông Đ nhất trí thỏa thuận anh em trong gia đình sẽ cho vay và ông bà sẽ trả hết 70.000.000đồng cho ông Đ trong thời hạn 15 ngày.

Ông Đ, bà H trình bày: Chưa khi nào có việc bị đơn trả cho ông bà 150.000.000đồng, ông bà đề nghị bị đơn phải trả đủ tiền vàng gốc đã vay, về lãi tự nguyện giảm cho bị đơn 15.000.000đồng so với bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định phát biểu quan điểm: Đơn kháng cáo của bà B và ông Th đều hợp lệ. Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng những quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Các đương sự đã xác nhận việc vay mượn nhau tiền và vàng là sự thật, nên không phải chứng minh, chỉ có tranh chấp về việc bị đơn đã trả 150.000.000đồng hay chưa, bị đơn trình bày đã trả cho nguyên đơn 150.000.000đồng, nguyên đơn không thừa nhận, bị đơn không đưa ra được căn cứ chứng minh, nên không được chấp nhận. Về việc tính lãi các đương sự có tranh chấp về lãi suất, cấp sơ thẩm tính theo đề nghị của nguyên đơn là chưa đúng quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS,

tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn đã tự nguyện giảm 15.000.000 đồng tiền lãi so với bản án sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận theo sự tự nguyện của nguyên đơn. Về khoản nợ vàng cần buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn bằng giá trị. Như vậy, có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của ông Th, bà B, sửa bản án sơ thẩm về việc tính lãi suất và việc tính quy đổi vàng ra tiền theo giá vàng tại thời điểm xét xử sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Đinh Quang Th và bà Trần Thị Ngọc B làm trong thời hạn luật định nên hợp pháp, được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của ông Đinh Quang Th và bà Trần Thị Ngọc B thấy rằng: Nguyên đơn trình bày và xuất trình được chứng cứ vật chất là ba giấy biên nhận, thể hiện ông Đinh Quang Th và bà Trần Thị Ngọc B đã vay tiền và vàng của nguyên đơn cụ thể như sau: Giấy biên nhận ngày 20-11-2013 vay 14 chỉ vàng 9999; ngày 25-9-2018 vay số tiền 20.000.000 đồng và ngày 20-12-2018 vay số tiền 130.000.000 đồng, tổng cộng là 150.000.000 đồng và 14 chỉ vàng 9999. Tại Tòa án, ông Th và bà B cũng thừa nhận về việc đã vay tiền và vàng của ông Đ, bà H như các giấy biên nhận nêu trên. Như vậy, đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về việc trả nợ: Theo nguyên đơn trình bày vợ chồng ông Th, bà B chưa trả cho nguyên đơn số tiền và vàng gốc mà mới trả lãi đến thời điểm tháng 9-2019, còn bị đơn có nhiều lời khai khác nhau, lời khai tại biên bản hòa giải (BL 31) “Tôi xác định đã từng nợ ông Đ và bà H số tiền 150.000.000 đồng và 14 chỉ vàng, nhưng tôi đã trả 120.000.000 đồng, ông Đ có nói miễn cho chúng tôi số nợ 30.000.000 đồng, nên vợ chồng tôi chỉ nợ 14 chỉ vàng ông Đ”. Tại phiên tòa sơ thẩm (BL 54) bị đơn trình bày “Hai bên thống nhất quy số vàng 14 chỉ ra thành 30.000.000 đồng, tổng cộng tôi vay là 180.000.000 đồng, tôi đã trả được 150.000.000 đồng, còn nợ 30.000.000 đồng và tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn trình bày: “Khi ông bà bị vỡ nợ hai bên đã thống nhất tổng cộng ông bà chỉ phải trả 180.000.000 đồng (cả tiền và vàng), năm 2021 ông bà đã vay mượn trả cho ông Đ 150.000.000 đồng tại nhà ông bà, có sự chứng kiến của người cho ông bà vay tiền, do thiếu lại 30.000.000 đồng, nên chưa lấy lại giấy biên nhận vay nợ, ông bà sơ suất là không viết giấy trả 150.000.000 đồng vì ông bà nghĩ 03 ngày sau trả nốt 30.000.000 đồng sẽ lấy lại các giấy biên nhận, tuy nhiên sau đó ông Đ đã thay đổi và khởi kiện”, các nội dung bị đơn khai đều không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh. Như vậy, các lời khai của bị đơn không thống nhất về cách tính nợ, chốt nợ cũng như số tiền đã trả nên không có căn cứ chấp nhận. Mặt khác, Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định nghĩa vụ

chứng minh thuộc về đương sự, bị đơn trình bày nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ để chứng minh, nên phải chịu hậu quả bất lợi của việc không chứng minh được.

[4] Về lãi: Do hai bên thỏa thuận ngoài với nhau không ghi trong giấy biên nhận, nguyên đơn xác định đối với số tiền 150.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất là 1.2%/1 tháng, bị đơn xác định không phải thỏa thuận mức lãi suất như nguyên đơn khai, như vậy cần xác định thuộc trường hợp vay có thỏa thuận lãi và có tranh chấp về lãi suất, nên lãi suất phải được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn 20% năm, cấp sơ thẩm nhận định do yêu cầu về lãi của nguyên đơn không vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của BLDS, nên đã chấp nhận yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là không đúng quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS. Tuy nhiên, tại phiên tòa nguyên đơn đã tự nguyện giảm 15.000.000 đồng tiền lãi so với bản án sơ thẩm cho bị đơn, sự tự nguyện của nguyên đơn phù hợp với quy định của pháp luật, nên được chấp nhận.

[5] Về khoản nợ vàng, cấp sơ thẩm buộc vợ chồng ông Th, bà B phải trả cho vợ chồng ông Đ, bà H14 chỉ vàng 9999 là chưa đúng hướng dẫn tại Điều 4 của Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03-4-2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng, Theo Nghị định số 24/2012/NĐ-CP thì Ngân hàng nhà nước là cơ quan thay mặt Chính phủ thống nhất quản lý các hoạt động kinh doanh vàng và cá nhân chỉ được thực hiện các hoạt động kinh doanh vàng sau khi được Thủ tướng Chính phủ cho phép và được Ngân hàng nhà nước cấp Giấy phép. Việc nguyên đơn cho bị đơn vay vàng khi không được cấp giấy phép là không đúng. Vì vậy, Tòa án không được tuyên buộc bị đơn trả vàng cho nguyên đơn mà phải quy đổi vàng thành tiền theo giá vàng tại thời điểm xét xử sơ thẩm.

[6] Về án phí: Do sửa án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm và cấp phúc thẩm phải xác định lại nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự,

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Đinh Quang Th và bà Trần Thị Ngọc B, sửa bản án sơ thẩm.

Căn cứ Điều 463, điểm a khoản 5 Điều 466, Điều 357, khoản 2 Điều 468 của BLDS; Điều 4 Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03-4-2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng,

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Mạnh Đ.

Buộc ông Đinh Quang Th và bà Trần Thị Ngọc B phải trả cho ông Đinh Mạnh Đ và bà Lê Thị H số tiền 268.490.000đồng (Hai trăm sáu mươi tám triệu bốn trăm chín mươi ngàn đồng), trong đó tiền nợ gốc là 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng); tiền lãi là 48.000.000đ (Bốn mươi tám triệu đồng) và 70.490.000 đồng là trị giá của 14 chỉ vàng 9999.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với các khoản tiền người phải thi hành án phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS;

2. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án,

Ông Đinh Quang Th và bà Trần Thị Ngọc B không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đinh Quang Th và bà Trần Thị Ngọc B phải nộp 13.424.500 đồng (Mười ba triệu bốn trăm hai mươi bốn ngàn năm trăm đồng), đối trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm bà Trần Thị Ngọc B đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000771 ngày 07 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ngh, tỉnh Nam Định. Ông Đinh Quang Th và bà Trần Thị Ngọc B còn phải nộp 13.124.500 đồng (Mười ba triệu một trăm hai mươi bốn ngàn năm trăm đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND+VKSND Cấp cao tại HN;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- TAND huyện Ngh;
- Chi cục THA Ngh;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bạch Tuyết

